TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2024/DS-ST
Ngày: 28-8-2024.
"V/v tranh chấp chia thừa kế".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phú Hữu.

2. Ông Nguyễn Hồng Thơ.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên toà*: Bà Phạm Thị Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13, 23, 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2023/TLST-DS ngày 15/3/2023, về việc *"Tranh chấp chia thừa kế"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 311/2024/QĐXXST-DS ngày 15/7/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Số 92, đường Cái Sao, Tổ 13, Ấp 1, xã M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyễn Thị T, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Số 419, đường 30/4, Tổ 11, Khóm 2, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị T là ông Thái Quang Tr, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 278, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Khóm 1, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N), sinh năm 1930;

Địa chỉ: Số 548, ấp Hòa Hưng, xã Tr, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông Lê Phát Đ là ông Lê Phát Ng, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số nhà 548, ấp Hưng Hòa, xã Tr, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Văn S, sinh năm 1935

Địa chỉ: Số 94, đường Cái Sao, Tổ 13, Ấp 1, xã M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1946

Địa chỉ: Số 124, Tổ 16, Ấp 1, xã M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nguyễn Thanh Ph, sinh năm 1964 (con ông Nguyễn Văn S)

4. Võ Thị H, sinh năm 1936 (vợ ông Nguyễn Văn S)

Cùng địa chỉ: Số 504, đường Mai Văn Khải, Tổ 16, Ấp 2, xã M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị H là ông Nguyễn Thanh Ph, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số 504, đường Mai Văn Khải, Tổ 16, Ấp 2, xã M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Tr, anh Ng, ông Ph có mặt tại phiên tòa; Bà Kh có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Thái Quang Tr trình bày*:

Cha mẹ của bà T, bà Ch là ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1914 (chết năm 2012), mẹ là bà Đoàn Thị Nh, sinh năm 1914 (chết năm 1980). Ông Nhiêu và bà Nhạn có 07 người con gồm:

1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1930 (bí danh Thanh H, đã chết – ông S có con là Nguyễn Thanh Ph, vợ là Võ Thị H);

2. Ông Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N);

3. Ông Nguyễn Văn S;

4. Bà Nguyễn Thị Kh;

5. Ông Nguyễn Văn B (chết năm 1967, không có vợ con);

6. Bà Nguyễn Thị T;

7. Bà Nguyễn Thị Ch;.

Ông Nh và bà Nh có tạo lập và để lại phần đất tại các thửa:

- Diện tích 731,7m^2 (đo đạc thực tế 398,5m^2), đất thuộc thửa 78, tờ bản đồ số 22 (trong đó: 150m^2 đất ở nông thôn, còn lại cây lâu năm), đất tọa lạc tại

xã M, thành phố Cao Lãnh, quyền sử dụng đất số H00232 do UBND thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao lãnh) cấp ngày 21/02/2005 cho hộ ông Nguyễn Văn Nh đứng tên. Xác định thời điểm cấp đất là cá nhân ông Nh và nguồn gốc đất của ông Nh và bà Nh tạo lập.

Trên đất có căn nhà cấp 4, chiều ngang 5m, chiều dài 12 m, nền gạch men, mái tol, vách tường. Nhà do ông Đạt đứng xây dựng, tiền xây dựng nhà bán một phần đất của ông Nhiêu nên thống nhất nguồn tiền xây nhà là của ông Nh.

Căn nhà và đất hiện do Nguyễn Thanh Ph đang quản lý, sử dụng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Phát Đ đang giữ.

- Diện tích 1.150m^2 (đo đạc thực tế 398,4m^2), đất thuộc thửa 821, tờ bản đồ số 9, loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã Th, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Đất do hộ ông Nguyễn Văn Nh đứng tên quyền sử dụng đất.

- Diện tích 6.962m^2 (đo đạc thực tế 7.235,8m^2), đất thuộc thửa 815, tờ bản đồ số 9, đất trồng lúa, tọa lạc tại xã Th, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Đất do hộ ông Nguyễn Văn Nh đứng tên quyền sử dụng đất. Đất do ông Đ trồng lúa, không trồng cây lâu năm. Ông Đ đang sử dụng và đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do ông Nh và bà Nh chết không để lại di chúc nên bà Nguyễn Thị Ch và bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án thành phố Cao Lãnh chia thừa kế theo quy định pháp luật, cụ thể như sau:

- Đất thuộc thửa 78, tờ bản đồ số 22, thống nhất giao diện tích 180,2m^2, tọa lạc tại các mốc D, M, N, X, 16, 17, Q về mốc D và căn nhà trên đất cho ông Nguyễn Thanh Phương được đứng tên và quản lý, sử dụng.

+ Thống nhất cùng đứng tên chung phần diện tích đất 218,3m^2, tại các mốc D, C, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, X, N, M về mốc D để làm khu mộ và lối đi chung.

- Đất thuộc thửa 821, tờ bản đồ số 09, yêu cầu mỗi người nhận đất thổ là 69,98m^2 (419,9m^2 : 6 = 69,98m^2). Yêu cầu được nhận đất.

Đất thuộc thửa 815, tờ bản đồ số 09, yêu cầu mỗi người nhận đất trồng lúa là 1.205,96m^2 (7.235,8m^2 : 6 = là 1.205,96). Yêu cầu được nhận đất.

Thống nhất diện tích, vị trí, mốc giới theo sơ đồ đo đạc và giá do Hội đồng định giá đã định.

** Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà Tám, bà Chính yêu cầu như sau:*

- Đất thuộc thửa 78, tờ bản đồ số 22, loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã M, thành phố Cao Lãnh, yêu cầu chia thừa kế thành 05 kỷ phần và thống nhất diện tích được chia sẽ giao cho ông Nguyễn Thanh Ph được đứng tên và quản lý, sử dụng, không nhận giá trị đất. Căn nhà trên đất và cây trồng trên đất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đất thuộc thửa 821, tờ bản đồ số 09, loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã Th, huyện Cao Lãnh, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, yêu cầu được nhận đất. Đối với cây trồng trên đất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp diện tích đất không đủ diện tích tách thửa thì yêu cầu được nhập giữa bà Ch và bà Kh, bà T với ông Ph được đứng tên chung quyền sử dụng đất.

Đất thuộc thửa 815, tờ bản đồ số 09, loại đất lúa, tọa lạc tại xã Th, huyện Cao Lãnh, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, yêu cầu được nhận đất.

Không đồng ý chia phần thời cúng bà Nh đối với yêu cầu của ông Ph. Không đồng ý tờ di chúc bản photo do ông Đ cung cấp.

Thống nhất diện tích đo đạc thực tế theo sơ đồ đo đạc và giá do Hội đồng định giá đã định.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn có ông Lê Phát Ng trình bày:*

Nguồn gốc đất của ông Nh để lại, ông Nh có tờ di chúc viết tay là để lại toàn bộ phần đất trên cho ông Đ.

Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1914 (chết năm 2012), mẹ là Đoàn Thị Nh, sinh năm 1914 (chết năm 1980). Ông Nh và bà Nh có 07 người còn là Nguyễn Văn S, sinh năm 1930 (bí danh Thanh H, đã chết – ông S có con là Nguyễn Thanh Ph, vợ là Võ Thị H), Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N), Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị Kh, Nguyễn Văn B (chết năm 1967, không có vợ con), Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Ch. Khi ông Nh còn sống đã chia đất cho các con xong nên phần còn lại là phần ông Đ dùng để thời cúng làm đất hương hỏa.

Do đó, ông Đ thống nhất giao diện tích 180,2m^2, tọa lạc tại các mốc D, M, N, X, 16, 17, Q về mốc D và căn nhà trên đất cho ông Nguyễn Thanh Ph được đứng tên và quản lý, sử dụng.

+ Thống nhất cùng đứng tên chung phần diện tích đất 218,3m^2, tại các mốc D, C, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, X, N, M về mốc D để làm khu mộ và lối đi chung.

Phần đất thửa 821, tờ bản đồ số 09 và thửa 815, tờ bản đồ số 09 không đồng ý chia thừa kế.

Toàn bộ diện tích đất của thửa 821, 815 hiện do ông Đ canh tác, phần đất này ông Đ canh tác từ năm 1996, ông Đ không đồng ý chia thừa kế theo pháp luật.

**Tại phiên tòa anh Ng đại diện theo ủy quyền của ông Đ trình bày như sau:*

Yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét tờ di chúc năm 1996 bản photo đã cung cấp cho Tòa án, do bản chính đã thất lạc. Trường hợp chia thừa kế theo pháp luật thì ông Đ yêu cầu được xem xét phần công sức gìn giữ, cải tạo đất từ năm 1996 đến nay cho ông Đ được hưởng 01 phần. Lý do, từ năm 1996 ông Đ trực tiếp canh tác đất và huê lợi từ đất thì ông Đ đưa ông Nh chi tiêu sinh hoạt hàng

ngày đến năm 2012 thì ông Nh chết, từ khi ông Nh chết thì huê lợi dùng cho đám giỗ và thờ cúng cha mẹ ông bà hàng năm, phần đưa ông Ph lo cúng giỗ bà Nh. Trong khi chi phí thuê chan sửa đất hàng năm là do ông Đ bỏ tiền ra thuê.

Về diện tích đất thì thống nhất theo sơ đồ đo đạc và giá do Hội đồng định giá đã định.

**** Tại đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kh trình bày:*** Cha mẹ của bà là ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1914 (chết năm 2012), mẹ là Đoàn Thị Nh, sinh năm 1914 (chết năm 1980). Ông Nh và bà Nh có 07 người còn là Nguyễn Văn S, sinh năm 1930 (bí danh Thanh H, đã chết – ông S có con là Nguyễn Thanh Ph, vợ là Võ Thị H), Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N), Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị Kh, Nguyễn Văn B (chết năm 1967, không có vợ con), Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Ch. Ông Nh và bà Nh có tạo lập và để lại phần đất gồm:

1. Diện tích 731,7m^2 (đo đạc thực tế 398,5m^2), đất thuộc thửa 78, tờ bản đồ số 22 (trong đó: 150m^2 đất ở nông thôn, còn lại cây lâu năm), đất tọa lạc tại xã M, thành phố Cao Lãnh, quyền sử dụng đất số H00232 do UBND thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao lãnh) cấp ngày 21/02/2005 cho hộ ông Nguyễn Văn Nh đứng tên. Xác định thời điểm cấp đất là cá nhân ông Nh và nguồn gốc đất của ông Nh.

Trên đất có căn nhà cấp 4, chiều ngang 5m, chiều dài 12 m, nền gạch men, mái tol, vách tường. Nhà do ông Đ đứng cất, tiền cất nhà bán một phần đất của ông Nh nên thống nhất nguồn tiền cất nhà là của ông Nh.

Căn nhà và đất hiện do Nguyễn Thanh Ph đang quản lý, sử dụng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Phát Đ đang giữ.

2. Diện tích 1.150m^2 (đo đạc thực tế 419,9m^2), đất thuộc thửa 821, tờ bản đồ số 9, loại đất thổ, tọa lạc tại Ấp 1, xã Th, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Đất do hộ ông Nguyễn Văn Nh đứng tên quyền sử dụng đất.

3. Diện tích 6.962m^2 (đo đạc thực tế 7.235,8m^2), đất thuộc thửa 815, tờ bản đồ số 9, đất trồng lúa, tọa lạc tại Ấp 1, xã Th, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Đất do hộ ông Nguyễn Văn Nh đứng tên quyền sử dụng đất. Đất do ông Đ trồng lúa, không trồng cây lâu năm. Ông Đ đang sử dụng và đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do ông Nh và bà Nh chết không để lại di chúc nên bà Nguyễn Thị Kh yêu cầu Tòa án thành phố Cao Lãnh chia thừa kế theo quy định pháp luật, cụ thể như sau:

- Đất thuộc thửa 78, tờ bản đồ số 22, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và xin nhận giá trị đất.

- Đất thuộc thửa 821, tờ bản đồ số 09, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và yêu cầu được nhận diện tích đất.

- Đất thuộc thửa 815, tờ bản đồ số 09, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và yêu cầu được nhận diện tích đất.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh Phương trình bày:*** Ông Ph là con ông Nguyễn Văn S và thống nhất các nội dung bà Kh, bà T, bà Ch trình bày nêu trên. Nay, ông Ph yêu cầu được chia thừa kế phần ông S được hưởng từ ông Nhiêu, bà Nh là 01 phần và 02 phần thờ cúng ông bà chung, cụ thể như sau:

- Đất thuộc thửa 78, tờ bản đồ số 22, yêu cầu mỗi người nhận đất ở nông thôn là 50m^2 (300m^2 : 6 = 50m^2); đất trồng cây lâu năm là 71,95m^2 (431,7m^2 : 6 = 71,95m^2). Yêu cầu được nhận đất là 02 phần.

Căn nhà trên đất không yêu cầu chia thừa kế, nhưng yêu cầu được quyền sở hữu.

- Đất thuộc thửa 821, tờ bản đồ số 09, yêu cầu mỗi người nhận đất thổ là 157,46m^2 (419,9m^2 (đo đạc thực tế): 8 = 52,48m^2)

- Đất thuộc thửa 815, tờ bản đồ số 09, yêu cầu mỗi người nhận đất trồng lúa là 2.713,42 m^2 (diện tích đo đạc thực tế 7.235,8m^2) : 8 = 904,47m^2). Phần ông Ph được hưởng 03 phần, yêu cầu được nhận đất.

* Tại phiên tòa ông Ph yêu cầu đối với 03 thửa đất nêu trên yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật nhưng phần ông xin nhận 02 kỷ phần, bao gồm 01 kỷ phần nhận thừa kế và 01 kỷ phần nhận cho việc ông Ph thờ cúng bà Nh. Đồng thời, tại thửa 78, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã M, thành phố Cao Lãnh thì ông Ph yêu cầu được quản lý, sử dụng và đứng tên toàn bộ thửa đất nêu trên, ông Ph đồng ý trả giá trị đất cho những người còn lại theo giá Hội đồng định giá đã định. Đối với căn nhà trên đất và cây trồng thì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án bà Võ Thị H, có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thanh Ph trình bày:*** Bà H thống nhất để toàn bộ phần thừa kế của ông S cho ông Ph được hưởng, bà H không có tranh chấp và không có yêu cầu gì thêm.

****Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu:*** Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật về tống đạt văn bản tố tụng, đảm bảo tính khách quan, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trước và tại phiên tòa. Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị Kh.

+ Thửa 821, tờ bản đồ số 09, diện tích đo đạc thực tế là 398,4m^2: 05 kỷ phần = 79,68m^2; Bà Nguyễn Thị T được một kỷ phần là 79,68m^2; Bà Nguyễn Thị Ch được một kỷ phần là 79,68m^2; Bà Nguyễn Thị Kh được một kỷ phần là 79,68m^2. Bà Nguyễn Thị Kh, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Ch được nhận hiện vật là diện tích đất.

+ Thửa 815, tờ bản đồ số 09, diện tích đo đạc thực tế là 7.236m^2 : 05 kỷ phần = 1.447,2m^2; Bà Nguyễn Thị T được một kỷ phần là 1.447,2m^2; Bà Nguyễn Thị Ch được một kỷ phần là 1.447,2m^2; Bà Nguyễn Thị Kh được một kỷ phần là 1.447,2m^2. Bà Nguyễn Thị Kh, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Ch được nhận hiện vật là diện tích đất.

+ Thửa 78, tờ bản đồ số 22, diện tích đo đạc thực tế là 398,5m^2 (trong đó 150m^2 đất ở nông thôn và 248,5m^2 đất cây lâu năm): 05 kỷ phần = 79,7m^2; Bà Nguyễn Thị Kh được một kỷ phần là 79,7m^2 (trong đó 30m^2 đất ở nông thôn và 49,7m^2 đất cây lâu năm). Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Ch mỗi người được một kỷ phần là 79,7m^2 (trong đó 30m^2 đất ở nông thôn và 49,7m^2 đất cây lâu năm).

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Ph.

+ Thửa 821, tờ bản đồ số 09, diện tích đo đạc thực tế là 398,4m^2 : 05 kỷ phần = 79,68m^2; Ông Nguyễn Thanh Ph được một kỷ phần là 79,68m^2; Ông Nguyễn Thanh Ph được nhận hiện vật là diện tích đất.

+ Thửa 815, tờ bản đồ số 09, diện tích đo đạc thực tế là 7.236m^2: 05 kỷ phần = 1.447,2m^2; Ông Nguyễn Thanh Ph được một kỷ phần là 1.447,2m^2; Ông Nguyễn Thanh Ph được nhận hiện vật là diện tích đất.

+ Thửa 78, tờ bản đồ số 22, diện tích đo đạc thực tế là 398,5m^2 (trong đó 150m^2 đất ở nông thôn và 248,5m^2 đất đất cây lâu năm): 05 kỷ phần = 79,7m^2; Ông Nguyễn Thanh Ph được một kỷ phần là 79,7m^2 (trong đó 30m^2 đất ở nông thôn và 49,7m^2 đất cây lâu năm).

Giao ông Nguyễn Thanh Ph được đứng tên quyền sử dụng đất thửa 78, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã M, thành phố Cao Lãnh. Ông Nguyễn Thanh Ph có trách nhiệm trả giá trị đất cho bà Nguyễn Thị Kh và ông Lê Phát Đ theo giá Hội đồng định giá đã định; Ông Nguyễn Thanh Ph không phải trả giá trị đất cho bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Ch, do bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Ch không yêu cầu nhận.

Không chấp nhận chia một kỷ phần do ông Nguyễn Thanh Ph yêu cầu để ông Nguyễn Thanh Ph thờ cúng bà Nhạn.

- Ông Lê Phát Đ được chia thừa kế cụ thể như sau:

+ Thửa 821, tờ bản đồ số 09, diện tích đo đạc thực tế là 398,4m^2 : 05 kỷ phần = 79,68m^2; Ông Lê Phát Đ được một kỷ phần là 79,68m^2; Ông Lê Phát Đ được nhận hiện vật là diện tích đất.

+ Thửa 815, tờ bản đồ số 09, diện tích đo đạc thực tế là 7.236m^2 : 05 kỷ phần = 1.447,2m^2; Ông Lê Phát Đ được một kỷ phần là 1.447,2m^2; Ông Lê Phát Đ được nhận hiện vật là diện tích đất.

+ Thửa 78, tờ bản đồ số 22, diện tích đo đạc thực tế là 398, (trong đó 30m^2 đất ở nông thôn và 49,7m^2 đất cây lâu năm): 05 kỷ phần = 79,7m^2; Ông Lê Phát Đ được một kỷ phần là 79,7m^2 (trong đó 30m^2 đất ở nông thôn và 29,7m^2 đất

cây lâu năm). Ông Nguyễn Thanh Ph có trách nhiệm trả giá trị đất cho ông Lê Phát Đ theo giá Hội đồng định giá đã định.

Đối với diện tích tại thửa 821, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại xã Th, huyện Cao Lãnh khi chia thừa kế mỗi người được nhận diện tích không đủ tách thửa nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bà Kh, bà Ch được đứng tên chung quyền sử dụng đất. Ông Ph, bà T, ông Đ được đứng tên chung quyền sử dụng đất.

Đối với căn nhà trên đất tại thửa 78, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã M, thành phố Cao Lãnh do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cây trồng và cống dẫn nước trên thửa đất 821, tờ bản đồ 09, tọa lạc tại xã Th, huyện Cao Lãnh do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vị trí đất: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vị trí thửa 921 cho ông Đ nhận từ vị trí mốc M1 qua mốc D5, A4, tới ông Ph, bà T, bà Kh, bà Ch; Thửa 815 cho ông Đ vị trí mốc M2,D11, A9, tới ông Ph, bà T, bà Kh, bà Ch.

Về án phí và chi phí tố tụng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị Kh, ông Nguyễn Thanh Ph và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp chia thừa kế.

Phần đất tranh chấp tọa lạc tại xã M, thành phố Cao Lãnh và xã Th, huyện Cao Lãnh. Tuy nhiên, các đương sự thống nhất chọn Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nguồn gốc đất và quá trình sử dụng phần đất đang tranh chấp diện tích đất đo đạc thực tế 398,5m^2 , thửa 78, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã M, thành phố Cao Lãnh; Diện tích đất đo đạc thực tế 398,4m^2, thuộc thửa 821, tờ bản đồ số 09 và diện tích đất đo đạc thực tế 7.235,8m^2, thuộc thửa 815, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại xã Th, huyện Cao Lãnh; cấp đất lần đầu cho ông Nguyễn Văn Nh.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là di sản của ông Nh và bà Nh tạo lập, không liên quan đến thành viên gia đình. Di sản do ông Nh đứng tên quyền sử

dụng đất nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Xét quan hệ thừa kế: Trong quá trình giải quyết và tại các phiên tòa, các đương sự thống nhất về hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1914 (chết năm 2012), mẹ là Đoàn Thị Nh, sinh năm 1914 (chết năm 1980) như sau: Ông Nhiêu và bà Nhạn có 07 người con gồm có:

1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1930 (bí danh Thanh Hải, đã chết – ông Sữa có con là Nguyễn Thanh Ph, vợ là Võ Thị H);

2. Ông Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N);

3. Ông Nguyễn Văn S;

4. Bà Nguyễn Thị Kh;

5. Ông Nguyễn Văn B (chết năm 1967, không có vợ con);

6. Bà Nguyễn Thị T;

7. Bà Nguyễn Thị Ch.

Ngoài ra, ông Nh và bà Nh không có con nuôi hay con ngoài giá thú nào khác.

[2.3] Xét yêu cầu chia thừa kế của bà bà T, bà Ch, bà Kh và ông Ph, về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Nh và bà Nh để lại.

Theo đơn xin xét xử vắng mặt và đơn khởi kiện của bà Kh, đồng thời tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà T, bà Ch và ông Ph cho rằng ông Nh và bà Nh đã chết và không để lại di chúc thừa kế đối với phần di sản cho ông Đ theo ông Đ cung cấp tờ di chúc năm 1996 là bản photo mà không phải bản chính thì không được xem là chứng cứ như ông Đ trình bày.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình sử dụng đất, ông Nh và bà Nh trực tiếp quản lý, sử dụng đất. Đến nay 03 thửa đất đang tranh chấp do ông Nh đứng tên quyền sử dụng đất. Cụ thể: Tại thửa 821, tờ bản đồ số 09, diện tích đo đạc thực tế là 398,4m^2; Thửa 815, tờ bản đồ số 09, diện tích đo đạc thực tế là 7.236m^2, đất tọa lạc tại xã Th, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; Thửa 78, tờ bản đồ số 22, diện tích đo đạc thực tế là 398,5m^2 (trong đó 150m^2 đất ở nông thôn và 148,5m^2 đất cây lâu năm), tọa lạc tại xã M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Ông Đ cho rằng phần đất này ông Nh đã lập tờ di chúc ngày 02/6/1996 với nội dung để toàn bộ phần đất cho ông Đ thừa hưởng. Tuy nhiên, ông Đ chỉ cung cấp bản photo không cung cấp được bản gốc của tờ di chúc. Ngoài tờ di chúc này ra thì ông Đ không có giấy tờ chứng cứ để chứng minh cho trình bày của ông Đ.

[2.3.1] Căn cứ vào lời khai của ông Nguyễn Văn Tr tại biên bản lấy lời khai ngày 19/01/2024 *(BL 158, 159),* ông Tr khai và xác nhận *"vào ngày 02/6/1996 ông Nh là chú ruột của ông Tr. Vào năm 1996 ông Nh có nhờ ông Tr ghi tờ di chúc để lại phần đất thổ cư cả nhà có diện tích 712m^2, đất tọa lạc tại xã M, thành phố Cao Lãnh và diện tích 5.000m^2 ở xã Th cho ông Nguyễn*

Văn N tức ông Đ canh tác để thờ phụng, ông Đ canh tác đất hằng năm thì phải đưa tiền huê lợi cho ông Nh chứ không phải cho phần đất ruộng cho ông Đ. Sau khi lập tờ di chúc thì khoảng 02 tháng sau ông Đ đã cắt một phần đất thổ ở M bán nên ông Nh và các con ông Nh không đồng ý. Do đó, ông Nh đã đốt tờ di chúc bản chính đã lập ngày 02/6/1996".

Lời khai của ông Tr phù hợp với chứng cứ trong vụ án thể hiện đến ngày xét xử thì ông Đ không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông Đ đối với tờ di chúc bản chính. Như vậy, do ông Nh và bà Nh chết không để lại di chúc nên di sản của ông Nh và bà Nh để lại được chia theo pháp luật là có căn cứ.

[2.3.2] Căn cứ vào lời khai của các đương sự trong vụ án thì hàng thừa kế của ông Nh và bà Nhạn có 07 người. Trong đó, ông Nguyễn Văn B đã chết và không có vợ con. Đối với ông Nguyễn Văn S đã chết nhưng có vợ là bà Võ Thị H và con là Nguyễn Thanh Ph. Bà H có văn bản phần thừa kế của ông S sẽ do ông Ph thừa hưởng toàn bộ, bà H không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ kiện này.

[2.3.3] Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/5/2023 của ông Nguyễn Văn S *(BL128-129)* có lời khai từ chối nhận di sản thừa kế của ông Nh và bà Nh. Ông S có ý kiến toàn bộ di sản của ông Nh và bà Nh để lại ông đồng ý giao cho các anh chị em của ông được hưởng thừa kế, ông S không yêu cầu chia thừa kế và không có tranh chấp gì. Ông S thừa nhận hàng thừa kế của ông Nh và bà Nh gồm có:

1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1930 (bí danh Thanh H, đã chết – ông S có con là Nguyễn Thanh Ph, vợ là Võ Thị H);

2. Ông Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N);

3. Ông Nguyễn Văn S;

4. Bà Nguyễn Thị Kh;

5. Ông Nguyễn Văn B (chết năm 1967, không có vợ con);

6. Bà Nguyễn Thị T;

7. Bà Nguyễn Thị Ch.

Ngoài ra, ông Nh và bà Nh không có con nuôi hay con ngoài giá thú nào khác.

Do đó, phần di sản của ông Nh và bà Nh được chia cho 05 người con gồm ông Nguyễn Thanh Ph là con ông S, ông Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N), bà Nguyễn Thị Kh, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Ch.

[2.3.4] Đối với ông Đ trình bày phần đất ông Nh giao ông canh tác từ năm 1996 nhưng về huê lợi thì do ông Nh nhận để chi tiêu cá nhân ông Nh và dùng cho việc thờ cúng bà Nh và ông bà. Thời điểm này ông Nh đã lớn tuổi nên không còn thu nhập nào khác. Ông Đ trực tiếp canh tác lúa và huê lợi thì do ông Nh sử dụng đến khi ông Nh chết vào năm 2012. Trong thời gian này

hiện trạng đất không bằng phẳng, mương, gò, chủng nên ông Đ phải cải tạo đất, thuê máy chan sửa đất nhiều năm mới canh tác được và có lợi nhuận, từ canh tác lúa một vụ và đến hiện nay toàn bộ diện tích đất đã bằng phẳng, canh tác được 03 vụ lúa/năm, giúp đất hiện nay có giá trị cao. Ông Đ xác định đã bỏ tiền vào cải tạo, chan sửa đất rất nhiều và trong thời gian dài nên không thể nhớ chính xác được cụ thể số tiền đã đầu tư vào bao nhiêu. Vấn đề cải tạo và chan sửa đất, cũng như khi ông Nh còn sống thì ông Đ có đưa tiền huê lợi cho ông Nh để chi tiêu cũng được các đương sự còn lại thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét chia cho ông Đ một kỷ phần gọi là công sức cải tạo, giữ gìn làm tăng giá trị đất là phù hợp. Do ông Đ đã lớn tuổi và không có tiền tiết kiệm riêng nên xem xét cho ông Đ được hưởng một kỷ phần là hiện vật.

[2.3.5] Như vậy, đối với phần di sản của ông Nh, bà Nh để lại sẽ được chia thừa kế theo pháp luật thành 06 kỷ phần, ông Đ được nhận 02 kỷ phần (trong đó 01 kỷ phần thừa kế và 01 kỷ phần công sức cải tạo, giữ gìn làm tăng giá trị đất), bà Kh được nhận 01 kỷ phần, ông Ph được nhận 01 kỷ phần, bà T được nhận 01 kỷ phần, bà Ch được nhận 01 kỷ phần.

Cụ thể di sản được chia như sau:

- Thửa 821, tờ bản đồ số 09, diện tích đo đạc thực tế là 398,4m^2: 06 kỷ phần = 66,4m^2; Bà Nguyễn Thị T được một kỷ phần là 66,4m^2; Bà Nguyễn Thị Ch được một kỷ phần là 66,4m^2; Bà Nguyễn Thị Kh được một kỷ phần là 66,4m^2. Bà Nguyễn Thị Kh, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Ch được nhận hiện vật là diện tích đất. Vị trí được nhận như sau:

+ Bà Nguyễn Thị Kh được nhận vị trí tại các mốc D2, A1, D1, D10, A8, D9 về mốc D2.

+ Bà Nguyễn Thị Ch được nhận vị trí tại các mốc D1, M6, M5, D10 về mốc D1.

Bà Nguyễn Thị Kh và bà Nguyễn Thị Ch được cùng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Bà Nguyễn Thị T được nhận vị trí tại các mốc D3, A2, D2, D9, A7, D8 về mốc D3. Bà Nguyễn Thị T được cùng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Thanh Ph.

- Thửa 815, tờ bản đồ số 09, diện tích đo đạc thực tế là 7.236m^2 : 06 kỷ phần = 1.206m^2; Bà Nguyễn Thị T được một kỷ phần là 1.206m^2; Bà Nguyễn Thị Ch được một kỷ phần là 1.206m^2; Bà Nguyễn Thị Kh được một kỷ phần là 1.206m^2. Bà Nguyễn Thị Kh, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Ch được nhận hiện vật là diện tích đất. Vị trí được nhận như sau:

+ Bà Nguyễn Thị Kh được nhận vị trí tại các mốc D14, A12, D15, D16, A13, D17 về mốc D14.

+ Bà Nguyễn Thị Ch được nhận vị trí tại các mốc D15, M3, M4, D16 về mốc D15.

+ Bà Nguyễn Thị T được nhận vị trí tại các mốc D13, A11, D14, D17, A14, D18 về mốc D13.

- Thửa 78, tờ bản đồ số 22, diện tích đo đạc thực tế là 398,5m^2 (trong đó 150m^2 đất ở nông thôn và 248,5m^2 đất cây lâu năm): 06 kỷ phần = 66,41m^2/kỷ phần; Bà Nguyễn Thị Kh được một kỷ phần là 66,41m^2 (trong đó 30m^2 đất ở nông thôn và 36,41m^2 đất cây lâu năm). Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Ch mỗi người được một kỷ phần là 66,41m^2 (trong đó 30m^2 đất ở nông thôn và 36,41m^2 đất cây lâu năm). Bà Nguyễn Thị Kh sẽ nhận giá trị đất. Bà Nguyễn Thị Tám và bà Nguyễn Thị Ch thống nhất để ông Nguyễn Thanh Ph đứng tên và không nhận giá trị đất.

* Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Ph, không chấp nhận chia một kỷ phần do ông Nguyễn Thanh Ph yêu cầu để ông Nguyễn Thanh Ph thờ cúng bà Nh.

- Thửa 821, tờ bản đồ số 09, diện tích đo đạc thực tế là 398,4m^2 : 06 kỷ phần = 66,4m^2/kỷ phần; Ông Nguyễn Thanh Phương được một kỷ phần là 66,4m^2; Ông Nguyễn Thanh Phương được nhận hiện vật là diện tích đất.

+ Ông Nguyễn Thanh Ph được nhận vị trí tại các mốc D4, A3, D8, A6, D7 về mốc D4.

- Thửa 815, tờ bản đồ số 09, diện tích đo đạc thực tế là 7.236m^2: 06 kỷ phần = 1.206m^2/kỷ phần; Ông Nguyễn Thanh Ph được một kỷ phần là 1.206m^2; Ông Nguyễn Thanh Ph được nhận hiện vật là diện tích đất.

+ Ông Nguyễn Thanh Ph được nhận vị trí tại các mốc D12, A10, D13, D18, A15, D19 về D12.

- Thửa 78, tờ bản đồ số 22, diện tích đo đạc thực tế là 398,5m^2 (trong đó 150m^2 đất ở nông thôn và 248,5m^2 đất cây lâu năm): 06 kỷ phần = 66,41m^2/kỷ phần; Ông Nguyễn Thanh Ph được một kỷ phần là 66,41m^2 (trong đó 30m^2 đất ở nông thôn và 36,41m^2 đất cây lâu năm). Ông Nguyễn Thanh Ph được nhận hiện vật là diện tích đất.

* Ông Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N) được chia thừa kế cụ thể như sau:

- Thửa 821, tờ bản đồ số 09, diện tích đo đạc thực tế là 398,4m^2 : 06 kỷ phần = 66,4m^2/kỷ phần; Ông Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N) được nhận hai kỷ phần là 66,4m^2 x 2 = 132,8m^2; Ông Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N) được nhận hiện vật là diện tích đất.

+ Ông Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N) được nhận vị trí tại các mốc M1, D5, A4, D4, D7, A5, D6, M2 về mốc M1.

- Thửa 815, tờ bản đồ số 09, diện tích đo đạc thực tế là 7.236m^2: 06 kỷ phần = 1.206m^2/kỷ phần; Ông Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N) được nhận hai kỷ phần là 1.206m^2 x 2 = 2.412m^2; Ông Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N) được nhận hiện vật là diện tích đất.

+ Ông Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N) được nhận vị trí tại các mốc M2, D11, A9, D12, D19, A16, D20, M5, D10, A8, D9, A7, D8, A6, D7, A5, D6 về M2.

- Thửa 78, tờ bản đồ số 22, diện tích đo đạc thực tế là 398,5m^2 (trong đó 150m^2 đất ở nông thôn và 248,5m^2 đất cây lâu năm): 06 kỷ phần = 66,41m^2/kỷ phần; Ông Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N) được hai kỷ phần là 66,41m^2 x 2 = 132,82m^2 (trong đó 60m^2 đất ở nông thôn và 72,82m^2 đất cây lâu năm). Ông Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N) nhận giá trị đất.

Do các đương sự thống nhất để ông Nguyễn Thanh Ph được quản lý, sử dụng và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 78, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã M, thành phố Cao Lãnh nên Hội đồng xét xử giao ông Nguyễn Thanh Ph được đứng tên quyền sử dụng đất thửa 78, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã M, thành phố Cao Lãnh. Ông Nguyễn Thanh Ph có trách nhiệm trả giá trị đất cho bà Nguyễn Thị Kh và ông Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N) theo giá Hội đồng định giá đã định; Cụ thể giá đất của thửa 78, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã M, thành phố Cao Lãnh được tính như sau: Đất ở nông thôn có giá 800.000 đồng/m^2 x 30m^2 = 24.000.000 đồng; đất cây lâu năm có giá 142.500 đồng/m^2 x 36,41m^2 = 5.188.000 đồng. Như vậy, mỗi kỷ phần trị giá thành tiền là 29.188.000 đồng. Ông Ph sẽ có trách nhiệm trả giá trị bằng tiền cho bà Nguyễn Thị Kh là 29.188.000 đồng; Ông Nguyễn Thanh Ph sẽ có trách nhiệm trả giá trị bằng tiền cho ông Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N) là 58.376.000 đồng;

Ông Nguyễn Thanh Ph không phải trả giá trị đất cho bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Ch, do bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Ch không yêu cầu nhận số tiền này.

[2.3.6] Đối với diện tích tại thửa 821, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh khi chia thừa kế mỗi người được nhận diện tích không đủ tách thửa nên Hội đồng xét xử xem xét trên yêu cầu của các đương sự cho bà Nguyễn Thị Kh, bà Nguyễn Thị Ch được đứng tên chung quyền sử dụng đất. Ông Nguyễn Thanh Ph, bà Nguyễn Thị T được đứng tên chung quyền sử dụng đất, do ông Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N) được nhận hai kỷ phần nên diện tích đủ để tách thửa nên Hội đồng xét xử xem xét cho ông Đ được đứng tên cá nhân.

[3] Đối với căn nhà cấp 4 trên phần đất thuộc thửa 78, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh do các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với cây trồng trên thửa đất 821, tờ bản đồ 09, tọa lạc tại xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh do các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét cây trồng trên đất: các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh là có một phần căn cứ chấp nhận.

[7] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá: Tổng chi phí là 13.842.756 đồng, do các nguyên đơn đã tạm ứng và chi xong. Về chi phí mỗi người phải chịu như sau: bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị Kh, ông Nguyễn Thanh Ph mỗi người chịu 2.307.126 đồng, ông Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N) chịu 4.614.252 đồng. Bà Nguyễn Thị Khương, ông Nguyễn Thanh Phương, ông Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N) có trách nhiệm trả lại tiền tạm ứng cho bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Ch.

[8] Án phí: Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị Kh, ông Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N) trên 60 tuổi và ông Nguyễn Thanh Ph thuộc trường hợp miễn giảm, các đương sự đã có đơn xin miễn giảm toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử miễn giảm án phí cho Các đương sự được miễn giảm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 244, Điều 246, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 của Bộ luật Dân sự;

Điều 100, Điều 166, Điều 203 của Luật đất đai;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

* Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị Kh mỗi người được hưởng thừa kế cụ thể:

Thửa 821, tờ bản đồ số 09, diện tích đo đạc thực tế là 398,4m^2, loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Nguyễn Thị Kh được thừa kế diện tích 66,4m^2, nhận vị trí tại các mốc D2, A1, D1, D10, A8, D9 về mốc D2.

- Bà Nguyễn Thị Ch được thừa kế diện tích 66,4m^2, nhận vị trí tại các mốc D1, M6, M5, D10 về mốc D1.

Bà Nguyễn Thị Kh và bà Nguyễn Thị Ch được cùng đứng tên chung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Bà Nguyễn Thị T được thừa kế diện tích 66,4m^2, nhận vị trí tại các mốc D3, A2, D2, D9, A7, D8 về mốc D3.

Bà Nguyễn Thị T được cùng đứng tên chung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Thanh Ph.

Thửa 815, tờ bản đồ số 09, diện tích đo đạc thực tế là 7.236m^2, loại đất lúa, tọa lạc tại xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Nguyễn Thị Kh được thừa kế diện tích 1.206m^2, nhận vị trí tại các mốc D14, A12, D15, D16, A13, D17 về mốc D14.

- Bà Nguyễn Thị Ch được thừa kế diện tích 1.206m^2, nhận vị trí tại các mốc D15, M3, M4, D16 về mốc D15.

- Bà Nguyễn Thị T được thừa kế diện tích 1.206m^2, nhận vị trí tại các mốc D13, A11, D14, D17, A14, D18 về mốc D13.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh ngày 24/4/2024 và Sơ đồ đo đạc ngày 24/4/2024 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường Đồng Tháp).

- Thửa 78, tờ bản đồ số 22, diện tích đo đạc thực tế là 398,5m^2 (trong đó diện tích 150m^2 đất ở nông thôn và diện tích 248,5m^2 đất cây lâu năm), tọa lạc tại xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; Bà Nguyễn Thị Kh được một kỷ phần là 66,41m^2 (trong đó diện tích 30m^2 đất ở nông thôn và diện tích 36,41m^2 đất cây lâu năm). Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Ch mỗi người được một kỷ phần là 66,41m^2 (trong đó diện tích 30m^2 đất ở nông thôn và diện tích 36,41m^2 đất cây lâu năm).

+ Bà Nguyễn Thị Kh được nhận giá trị đất, ông Nguyễn Thanh Ph có trách nhiệm trả giá trị đất cho bà Nguyễn Thị Kh số tiền 29.188.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Ch thống nhất để ông Nguyễn Thanh Ph đứng tên quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 66,41m^2 *(trong đó diện tích 30m^2 đất ở nông thôn và diện tích 36,41m^2 đất cây lâu năm)* của mỗi người và không nhận giá trị đất từ ông Nguyễn Thanh Ph.

* Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Ph, không chấp nhận chia một kỷ phần do ông Nguyễn Thanh Ph yêu cầu để thờ cúng bà Nh.

- Thửa 821, tờ bản đồ số 09, diện tích đo đạc thực tế là 398,4m^2, loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; Ông Nguyễn Thanh Ph được thừa kế diện tích 66,4m^2, nhận vị trí tại các mốc D2, A2, D3, D8, A7, D9 về mốc D2.

- Thửa 815, tờ bản đồ số 09, diện tích đo đạc thực tế là 7.236m^2, loại đất lúa, tọa lạc tại xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; Ông Nguyễn Thanh Ph được thừa kế diện tích 1.206m^2, nhận vị trí tại các mốc D12, A10, D13, D18, A15, D19 về mốc D12.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh ngày 24/4/2024 và Sơ đồ đo đạc ngày 24/4/2024 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường Đồng Tháp).

- Thửa 78, tờ bản đồ số 22, diện tích đo đạc thực tế là 398,5m^2 (trong đó diện tích 150m^2 đất ở nông thôn và diện tích 248,5m^2 đất cây lâu năm), ông Nguyễn Thanh Ph được thừa kế diện tích là 66,41m^2 (trong đó diện tích 30m^2 đất ở nông thôn và diện tích 36,41m^2 đất cây lâu năm). Ông Nguyễn Thanh Ph được nhận hiện vật là diện tích đất.

+ Giao ông Nguyễn Thanh Ph được quản lý, sử dụng và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 78, tờ bản đồ số 22, diện tích đo đạc thực tế là 398,5m^2 (trong đó diện tích 150m^2 đất ở nông thôn và diện tích 248,5m^2 đất cây lâu năm), tọa lạc tại xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Vị trí các mốc được xác định như sau: Từ vị trí các mốc C, 2, 3,4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, , 17, Q, D về mốc C.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh ngày 15/5/2023 và Sơ đồ đo đạc ngày 15/5/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh).

+ Ông Nguyễn Thanh Ph có trách nhiệm trả giá trị đất cho bà Nguyễn Thị Kh số tiền 29.188.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Thanh Ph có trách nhiệm trả giá trị đất cho ông Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N) số tiền 58.376.000 đồng.

+ Đối với căn nhà cấp 4 và cây trồng trên đất do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Ông Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N) được chia thừa kế cụ thể như sau:

- Thửa 821, tờ bản đồ số 09, diện tích đo đạc thực tế là 398,4m^2, loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; Ông Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N) được chia thừa kế diện tích 132,8m^2, nhận vị trí tại các mốc M1, D5, A4, D4, D7, A5, D6, M2 về mốc M1.

- Thửa 815, tờ bản đồ số 09, diện tích đo đạc thực tế là 7.236m^2, loại đất lúa, tọa lạc tại xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Ông Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N) được thừa kế diện tích 2.412m^2, nhận vị trí tại các mốc M2, D11, A9, D12, D19, A16, D20, M5, D10, A8, D9, A7, D8, A6, D7, A5, D6 về mốc M2.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh ngày 24/4/2024 và Sơ đồ đo đạc ngày 24/4/2024 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường Đồng Tháp).

- Thửa 78, tờ bản đồ số 22, diện tích đo đạc thực tế là 398,5m^2 (trong đó diện tích 150m^2 đất ở nông thôn và diện tích 248,5m^2 đất cây lâu năm), tọa lạc tại xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Ông Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N) được thừa kế diện tích 132,82m^2 (trong đó diện tích 60m^2 đất ở nông thôn và diện tích 72,82m^2 đất cây lâu năm), nhận giá trị đất số tiền 58.376.000 đồng.

Kể từ có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh và đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án và phải chịu các khoản thu theo quy định pháp luật (nếu có).

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá: Tổng chi phí là 13.842.756 đồng, do các nguyên đơn đã tạm ứng và chi xong. Về chi phí mỗi người phải chịu như sau: bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị Kh, ông Nguyễn Thanh Ph mỗi người chịu 2.307.126 đồng, ông Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N) chịu 4.614.252 đồng. Bà Nguyễn Thị Kh, ông Nguyễn Thanh Ph, ông Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N) có trách nhiệm trả lại tiền tạm ứng cho bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Ch.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị Kh, ông Lê Phát Đ (Nguyễn Văn N) trên 60 tuổi và ông Nguyễn Thanh Ph thuộc trường hợp miễn giảm, các đương sự đã có đơn xin miễn giảm toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử miễn giảm án phí cho Các đương sự được miễn giảm theo quy định pháp luật.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TPCL;
- Tòa án ND tỉnh ĐT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mỹ